TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12- VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày: 22-8-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Bài;**

Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Văn Thi**- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long tham gia phiên toà: Ông **Võ Quốc Toàn** – kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 226/2025/TLST-DS, ngày 09 tháng 6 năm 2025; về việc "Tranh chấp hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1958 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1976 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2025 trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Ngày 13/3/2023 bà có cho ông Nguyễn Minh T vay số tiền 10.000.000 đồng để làm ăn và ông T nói khi nào cần lấy lại thì nói trước với ông T khoảng 02 tuần để ông T gom tiền trả lại cho bà, bà không tính tiền lãi. Lúc vay tiền ông T có viết

biên nhận và ký tên giao biên nhận cho bà. Khi bà yêu cầu ông T trả nhiều lần nhưng ông T vẫn không thực hiện. Đến ngày 20/5/2025 ông T trả cho bà được 1.000.000 đồng còn nợ lại 9.000.000 đồng cho đến nay. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T trả cho bà số tiền vay vốn gốc còn nợ là 9.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Tại bản biên bản lấy lời khai ngày 17 tháng 6 năm 2025 ông Nguyễn Minh T trình bày như sau:

Ông là cháu kêu bà S là mợ. Ông thừa nhận ngày 13/3/2023, ông có ký biên nhận vay của bà Nguyễn Thị S số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Nội dung biên nhận như bà S trình bày là đúng. Ông không có đóng lãi cho bà S. Do làm ăn khó khăn nên ông mới trả cho bà S được 1.000.000 đồng, còn nợ lại bà S 9.000.000 đồng. Ông đồng ý trả cho bà S 9.000.000 đồng theo yêu cầu của bà S

- Những vấn đề đã thống nhất:

Bà Nguyễn Thị S có cho ông Nguyễn Minh T vay số tiền 10.000.000 đồng, ông T đã trả cho bà S số tiền 1.000.000 đồng và còn nợ lại 9.000.000 đồng tiền vay vốn gốc. Biên nhận do bà S nộp cho Tòa án là do ông T viết và ký tên.

- Những vấn đề chưa thống nhất:

Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm xét xử bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc ông Nguyễn Minh T trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền vay vốn gốc là 9.000.000 đồng. Buộc ông Nguyễn Minh T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay". Đồng thời bị đơn ông Nguyễn Minh T cư trú tại ấp Đ, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp Đ, xã T, tỉnh Vĩnh Long) nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị S và ông Nguyễn Minh T.

- Về nội dung:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị S yêu cầu ông Nguyễn Minh T trả tiền vay vốn gốc là 9.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Ông Nguyễn Minh T đồng ý trả 9.000.000 đồng.

Bà S nộp cho Tòa án nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long 01 biên nhận ngày 13/3/2023 với số tiền 10.000.000 đồng. Tại biên bản lấy lời khai ông T cũng thừa nhận có viết và ký tên vào biên nhận mà bà S nộp cho Tòa án, bà không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận. Ông T cũng thừa nhận có vay của bà S số tiền vốn gốc là 10.000.000 đồng và đã trả 1.000.000 đồng, còn nợ lại bà S số tiền vốn gốc là 9.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh là "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh." Như vậy việc bà S cho rằng có cho ông T vay và còn nợ vốn gốc 9.000.000 đồng và biên nhận do bà S nộp ông T đều thừa nhận là có thật.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành hòa giải và công khai chứng cứ 02 lần nhưng ông T đều vắng mặt, không có lời trình bày. Tuy nhiên theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì nghĩa vụ của bên vay là " 1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Đối chiếu với các quy định trên cho thấy ông T đã thừa nhận việc vay nợ và bà S đã đòi nhiều lần như vậy ông T phải có nghĩa vụ trả nợ.

Từ những tài liệu chứng cứ và lời khai trên đủ cơ sở khẳng định việc bà S cho ông T vay tiền theo biên nhận trên là có thật. Ông T là người thành niên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhân danh cá nhân xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự. Do ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà S làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà S. Vì vậy, bà S khởi kiện yêu cầu ông T phải trả cho bà S số tiền vay vốn gốc theo biên nhận ngày 13/3/2023 trên với số tiền 9.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12- Vĩnh Long là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí đối với yêu cầu của bà S được Tòa án chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025;

Áp dụng vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S.

Buộc ông Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền vốn gốc 9.000.000 (Chín triệu) đồng. Bà Nguyễn Thị S không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Minh T chịu 450.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà S tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006659 ngày 09/6/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần (Nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 12- Vĩnh Long).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 12- Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Võ Thị Ngọc Quyền